

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2020/DS-ST

Ngày 17 tháng 6 năm 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Tới**

2. Ông **Văn Công Trọn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 5 và ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 34/2020/QĐ-TA ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Vũ L**, sinh năm 1993; Trú tại: Số 50/13 – Hùng Vương, khóm 6, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Thanh Q**, sinh năm 1997 (Có mặt); Trú tại: Khóm 5, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn: Ông **Phạm Mộng H**, sinh năm 1972 (Vắng mặt); Bà **Nguyễn Kiều O**, sinh năm 1973 (Vắng mặt); Cùng trú tại: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Vũ L trình bày: Ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Văn Long; Nên, ông H và bà O nhờ ông Long giới thiệu để ông H, bà O vay tiền của ông L; Từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2019 ông L có cho ông H, bà O vay với số tiền 1.270.000.000 đồng (thể hiện 05 biên nhận vào các ngày 15/10/2018; ngày 03/11/2018; ngày 19/3/2019; ngày 23/3/2019; ngày 06/4/2019); Ông H, bà O nhận tiền mặt có giấy nhận nợ, có sự chứng kiến của ông Long; Theo thỏa thuận trong các giấy nhận nợ thì thời hạn vay 12 tháng; Khi ông L cần lấy vốn, ông L

thông báo trước cho ông H, bà O trước 30 ngày; Vào tháng 5/2019 ông L liên hệ với ông Long, để ông Long thông báo cho ông H, bà O để hoàn lại vốn; Nhưng, đến khi ông H, bà O nhận của ông L thêm số tiền 200.000.000 đồng vào tháng 4/2019 thì ông H, bà O tránh mặt, không hoàn trả tiền như đã thỏa thuận. Nay, ông L khởi kiện yêu cầu ông H, bà O trả tiền vay 1.270.000.000 đồng; Tiền lãi phát sinh từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do Nhà nước quy định.

Đối với bị đơn ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O: Khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Nhưng, bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt; Nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện; Yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 1.270.000.000 đồng; Tiền lãi số tiền 116.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Vũ L; Buộc bị đơn Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O trả cho nguyên đơn ông Phan Vũ L tiền gốc 1.270.000.000 đồng và khoản lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn: Ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời; Nên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch giữa các đương sự đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2017), mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 để giải quyết, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ông Phan Vũ L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O trả tiền vay số tiền 1.270.000.000 đồng; Ông L có cung cấp 05 biên nhận thể hiện vào các ngày 15/10/2018; ngày 03/11/2018; ngày 19/3/2019; ngày 23/3/2019; ngày 06/4/2019; 01 Bản tự khai không ngày, tháng, năm; Mà, theo nguyên đơn các tài liệu trên là chữ ký, chữ viết của ông H, bà O; Nội dung có thể hiện, ông H, bà O thiếu nợ ông L số tiền 1.270.000.000 đồng; Các lần vay đều có lãi suất nhưng không thống nhất (2,5%, 3%, 5%); Đối với, ông H, bà O đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án; Nhưng, ông H, bà O vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông L theo khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Do đó, Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án; Mặt khác, tại Kết luận giám định số: 34/GĐ-PC09 ngày 18/3/2020 và Kết luận giám định số: 93/GĐ-PC09 ngày 05/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, kết luận đối với 05 biên nhận; 01 Bản tự khai không ngày, tháng, năm; Đồng thời, đối chiếu với mẫu chữ ký, chữ viết ông H, bà O tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 1770985.2.1 ngày 05/11/2018, do Ngân hàng Thương mại Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Sông Đốc xác định, là chữ ký, chữ viết của ông H, bà O. Từ đó, ông L khởi kiện yêu cầu ông H, bà O trả tiền vay số tiền 1.270.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận; Phù hợp với Điều 357; Điều 429; Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về lãi suất: Như đã nhận định tại phần [4], có cơ sở xác định, giao dịch giữa ông L với ông H, bà O là có lãi suất; Nên, ông L yêu cầu ông H, bà O trả khoản lãi suất từ ngày khởi kiện (ngày 08/7/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/6/2020) theo Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 là có cơ sở chấp nhận; Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Q chỉ yêu cầu ông H, bà O trả cho ông L khoản lãi 11 tháng với số tiền 116.000.000 đồng. Xét, yêu cầu này của ông Q là phù hợp, có lợi cho ông H, bà O, được ghi nhận; Buộc ông H, bà O trả cho ông L tiền lãi 116.000.000 đồng.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Do, giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà O; Nên, cần buộc ông H và bà O có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền như đã yêu cầu, là phù hợp theo khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Đối với ông Nguyễn Văn Long không có liên quan đến nội dung tranh chấp; Nên, Tòa án không đưa ông Long vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[8] Do, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H, bà O hoàn lại cho nguyên đơn chi phí giám định số tiền: 4.880.000 đồng theo quy định tại Điều 161; Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời nhận định phù hợp với Hội đồng xét xử, nên có cơ sở để chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông H, bà O phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 3.000.000 đồng ($1.386.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} \times 3\%$ (của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng) = 53.580.000 đồng); Ông L được hoàn lại số tiền 25.050.000 đồng theo biên lai thu số 0003460 ngày 23/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 468; khoản 2 Điều 470; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Vũ L; Buộc bị đơn Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O trả cho nguyên đơn ông Phan Vũ L số tiền 1.386.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu đồng); Trong đó: Tiền gốc 1.270.000.000 đồng, tiền lãi 116.000.000 đồng.

2. Về chi phí giám định: Buộc bị đơn Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O hoàn trả cho nguyên đơn ông Phan Vũ L số tiền 4.880.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Buộc bị đơn ông Phan Mộng H, bà Nguyễn Kiều O phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 52.190.405 đồng (Bằng chữ: Năm mươi hai triệu một trăm chín mươi ngàn bốn trăm lẻ năm đồng - Chưa nộp). Nguyên đơn ông Phan Vũ L được nhận lại số tiền 25.050.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003460 ngày 23/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Vũ L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Phan Mộng H, bà Nguyễn Kiều O được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang